CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

CÁC PHƯƠNG TIỆN QUÁ HẠN KIỂM TRA HÀNG NĂM

Các phương tiện thuộc Khoản 1, Điều 24 Luật GTĐTNĐ

(Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015)

Tỉnh thành: **Thái Nguyên (S)**

Số TT	*Số ĐK*	*Số ĐKHC*	*Tên phương tiện*	*Chủ phương tiện*	*Địa chỉ*	*Ngày kiểm tra*	*Ngày hết hạn*	*Số biên bản*
1	S20-00067	TNg- -	Tàu Hút CátTầu tự hành	Phạm Ngọc HuânSở LĐTBXH Tỉnh Thái nguyên	Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên	12/09/2013	31/03/2014	00664/13V29
2	S20-00069	TNg-0273	Tầu Hút Cát	Lê Đức Cường	X Đá Dựng, Xã Phúc Trìu, Thành phố Thái Nguyên	19/07/2009	19/07/2010	00076/09S20
3	S20-00070	TNg-0276	Tầu Hút Cát	Nguyễn Văn Tiến	Xóm Đá Dựng, Xã Phúc Trìu, Thành phố Thái Nguyên	19/07/2009	19/07/2010	00077/09S20
4	S20-00071	TNg-0269	Tầu Hút Cát	Vũ Đình An	Xóm Dộc Lầy, Xã Phúc Xuân, Thành phố Thái Nguyên	19/07/2009	19/07/2010	00078/09S20
5	S20-00072	TNg-0277	Tầu Hút Cát	Nguyễn thị Hiền	Xóm Đá Dựng, Xã Phúc Trìu, Thành phố Thái Nguyên	24/05/2010	24/05/2011	00172/10S20
6	S20-00073	TNg-0278	Tầu Hút Cát	Nguyễn thị Hiền	Xóm Đá Dựng, Xã Phúc Trìu, Thành phố Thái Nguyên	24/05/2010	24/05/2011	00173/10S20
7	S20-00074	TNg-0267	Tầu Hút Cát	Nguyễn Văn Đông	Xóm Dộc Lầy, Xã Phúc Xuân, Thành phố Thái Nguyên	19/07/2009	19/07/2010	00081/09S20
8	S20-00075	TNg-0274	Tầu Hút cát	Nguyễn Văn Độ	Xóm Dộc Lầy, Xã Phúc Xuân, Thành phố Thái Nguyên	19/07/2009	19/07/2010	00082/09S20
9	S20-00076	TNg-0271	Tầu Hút Cát	Nguyễn Văn Độ	Xóm Dộc Lầy, Xã Phúc Xuân, Thành phố Thái Nguyên	19/07/2009	19/07/2010	00083/09S20
10	S20-00077	TNg-0280	Tầu Hút Cát	Nguyễn văn Sỹ	Xã Tân Thái, Huyện Đại Từ	19/07/2009	19/07/2010	00084/09S20
11	S20-00078	TNg-0289	Tầu Hút Cát	Trần văn Tự	Xã Bình Thuận, Huyện Đại Từ	19/07/2009	19/07/2010	00085/09S20
12	S20-00079	TNg-0287	Tầu Hút Cát	Nguyễn văn bẩy	Xã Bình Thuận, Huyện Đại Từ	19/07/2009	19/07/2010	00086/09S20
13	S20-00080	TNg-0288	Tầu Hút Cát	Ngô văn Ngọ	Xã Tân Thái, Huyện Đại Từ	19/07/2009	19/07/2010	00087/09S20
14	S20-00082	TNg-0292	Tầu Hút Cát	Ngô Thái Hải	Xã Tân Thái, Huyện Đại Từ	19/07/2009	19/07/2010	00089/09S20
15	S20-00083	TNg-0281	Tầu Hút Cát	Tạ văn Hà	Xã Tân Thái, Huyện Đại Từ	19/07/2009	19/07/2010	00090/09S20
16	S20-00084	TNg-0285	Tầu Hút Cát	Trương văn Phi	Xã Tân Thái, Huyện Đại Từ	19/07/2009	19/07/2010	00091/09S20
17	S20-00085	TNg-0284	Tầu Hút Cát	Trần vă Hà	Xã Tân Thái, Huyện Đại Từ	19/07/2009	19/07/2010	00092/09S20
18	S20-00086	TNg-0291	Tầu Hút Cát	Trần văn An	Xã Bộc Nhiêu, Huyện Định Hoá	19/07/2009	19/07/2010	00093/09S20
19	S20-00088	TNg-0290	Tầu Hút Cát	Trần vă Bằng	Xã Bộc Nhiêu, Huyện Định Hoá	19/07/2009	19/07/2010	00095/09S20

Số TT	Số ĐK	Số ĐKHC	Tên phương tiện	Chủ phương tiện	Địa chỉ	Ngày kiểm tra	Ngày hết hạn	Số biên bản
20	S20-00089	TNg-0286	Tầu Hút Cát	Nguyễn văn Nghị	Xã Tân Thái, Huyện Đại Từ	19/07/2009	19/07/2010	00096/09S20
21	S20-00090	TNg-0283	Tầu Hút Cát	Trương văn Bẩy	Xã Tân Thái, Huyện Đại Từ	19/07/2009	19/07/2010	00097/09S20
22	S20-00091	TNg-0282	Tầu Hút Cát	Ngô Thanh Sơn	Xã tân Thái, Huyện Đại Từ	19/07/2009	19/07/2010	00098/09S20
23	S20-00094	TNg-0293	Tầu Hút Cát	Nguyễn Đức Dương	Xã Khôi Kỳ, Huyện Đại Từ	19/07/2009	19/07/2010	00101/09S20
24	S20-00095	TNg-0270	Tầu Hút Cát	Bùi đắc Chương	Xóm Dộc Lầy, Xã Phúc Xuân, Thành phố Thái Nguyên	19/07/2009	19/07/2010	00102/09S20
25	S20-00096	TNg-0268	Tầu Hút Cát	Nguyễn Văn Nghiệp	Xóm Dộc Lầy, Xã Phúc Xuân, Thành phố Thái Nguyên	19/07/2009	19/07/2010	00103/09S20
26	S20-00097	TNg-0272	Tầu Hút Cát	Nguyễn Văn Nghiệp	Xóm Dộc Lầy, Xã Phúc Xuân, Thành phố Thái Nguyên	19/07/2009	19/07/2010	00104/09S20
27	S20-00098	TNg-0279	Tầu Hút Cát	Bùi Xuân Thường	Xã Tân Thái, Huyện Đại Từ	19/07/2009	19/07/2010	00105/09S20
28	S20-00202	TNg-0369	Xuồng CT vỏ HK nhôm	Thanh tra Sở GTVT Thái Nguyên	350 Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên	25/03/2015	14/12/2015	00196/15V29
29	S20-00217		Huyền Thoại	Nguyễn Văn Độ	Xóm Khuôn Năm,Xã Phúc Xuân, Thành phố Thái Nguyên	23/06/2011	23/06/2012	00263/11V37

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

CÁC PHƯƠNG TIỆN CỠ NHỎ QUÁ HẠN HÀNG NĂM

Các phương tiện thuộc Khoản 2, Điều 24 Luật GTĐTNĐ

(Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015)

Tỉnh thành: **Thái Nguyên (S)**

Số TT	*Số ĐK*	*Số ĐKHC*	*Tên phương tiện*	*Chủ phương tiện*	*Địa chỉ*	*Ngày kiểm tra*	*Ngày hết hạn*	*Số biên bản*
1	S20-00001	TNg-0063	Đò ngang	Trần Vĩnh Liên	Xã Tân Phú, Huyện Phổ Yên	03/12/2010	03/06/2011	00211/10S20
2	S20-00002	TNg-0141	Thuyền Vỏ tôn	Đỗ Đức Nghị	Xã Tân Thái, Huyện Đại Từ	24/05/2010	24/05/2011	00171/10S20
3	S20-00003	TNg-0153	Thuyền vỏ tôn	Trần Văn Hải	Xã Bộc Nhiêu, Huyện Định Hoá	01/05/2008	01/05/2009	00003/08S20
4	S20-00004	TNg-0155	Thuyền vỏ tôn	Lê Thị Tâm	Xã Phúc Trìu, Thành phố Thái Nguyên	24/05/2010	24/05/2011	00169/10S20
5	S20-00005	TNg-0158	Thuyền vỏ tôn	Nguyễn Thị Hiền	Xã Phúc Trìu, Thành phố Thái Nguyên	24/05/2010	24/05/2011	00167/10S20
6	S20-00006	TNg-0159	Thuyền vỏ tôn	Bùi Thị Ngơi	Xã Phúc Trìu, Thành phố Thái Nguyên	24/05/2010	24/05/2011	00168/10S20
7	S20-00007	TNg-0165	Thuyền vỏ tôn	Vũ Đình Du	Xã Phúc Xuân, Thành phố Thái Nguyên	01/05/2008	01/05/2009	00007/08S20
8	S20-00008	TNg-0166	Thuyền vỏ tôn	Nguyễn Văn Chương	Xã Phúc Xuân, Thành phố Thái Nguyên	01/05/2008	01/05/2009	00008/08S20
9	S20-00009	TNg-0177	Đò ngang	Lê Văn Quyển	Xã Tân Phú, Huyện Phổ Yên	09/06/2011	09/06/2012	00216/11S20
10	S20-00010	TNg-0178	Đò ngang	Nguyễn Văn Sự	Xã Tân Phú, Huyện Phổ Yên	03/12/2010	03/06/2011	00210/10S20
11	S20-00011	TNg-0179	Thuyền chở cát	Nguyễn Văn Cương	Xã Trung Thành, Huyện Phổ Yên	11/05/2010	11/11/2010	00147/10S20
12	S20-00012	TNg-0180	Thuyền chở cát	Nguyễn Văn Hùng	Xã Trung Thành, Huyện Phổ Yên	11/05/2010	11/11/2010	00146/10S20
13	S20-00013	TNg-0181	Thuyền chở cát	Trần Văn Bẩy	Xã Trung Thành, Huyện Phổ Yên	01/05/2008	01/11/2008	00013/08S20
14	S20-00014	TNg-0182	Thuyền Chở cát	Trần Văn Bát	Xã Trung Thành, Huyện Phổ Yên	11/05/2010	11/11/2010	00145/10S20
15	S20-00016	TNg-0184	Thuyền chở cát	Nguyễn Văn Lư	Xã Trung Thành, Huyện Phổ Yên	11/05/2010	11/11/2010	00151/10S20
16	S20-00017	TNg-0185	Thuyền chở cát	Trần Văn Hoà	Xã Trung Thành, Huyện Phổ Yên	11/05/2010	11/11/2010	00153/10S20
17	S20-00018	TNg-0186	Thuyền chở cát	Nguyễn Văn Tuấn	Xã Trung Thành, Huyện Phổ Yên	11/05/2010	11/11/2010	00150/10S20
18	S20-00019	TNg-0187	Thuyền chở cát	Trần Văn Tiên	Xã Trung Thành, H. Phổ Yên, Huyện Phổ Yên	11/05/2010	11/11/2010	00154/10S20
19	S20-00020	TNg-0188	Thuyền chở cát	Lê Văn Hoạt	Xã Trung Thành, Huyện Phổ Yên	11/05/2010	11/11/2010	00159/10S20

Số TT	Số ĐK	Số ĐKHC	Tên phương tiện	Chủ phương tiện	Địa chỉ	Ngày kiểm tra	Ngày hết hạn	Số biên bản
20	S20-00021	TNg-0189	Thuyền chở cát	Lê Văn Xuyến	Xã Trung Thành, Huyện Phổ Yên	11/05/2010	11/11/2010	00152/10S20
21	S20-00022	TNg-0190	Thuyền chở cát	Nguyễn Văn Tiến	Xã Trung Thành, Huyện Phổ Yên	11/05/2010	11/11/2010	00156/10S20
22	S20-00023	TNg-0191	Thuyền chở cát	Trần Văn Thuỷ A	Xã Trung Thành, Huyện Phổ Yên	11/05/2010	11/11/2010	00157/10S20
23	S20-00024	TNg-0192	Thuyền chở cát	Trần Văn Thuỷ B	Xã Trung Thành, Huyện Phổ Yên	11/05/2010	11/11/2010	00161/10S20
24	S20-00025	TNg-0193	Thuyền chở cát	Lê Xuân Mạnh	Xã Trung Thành, Huyện Phổ Yên	11/05/2010	11/11/2010	00155/10S20
25	S20-00026	TNg-0194	Thuyền chở cát	Nguyễn Văn Minh	Xã Trung Thành, Huyện Phổ Yên	11/05/2010	11/11/2010	00160/10S20
26	S20-00027	TNg-0195	Thuyền chở cát	Trần Đức Thiện	Xã Trung Thành, Huyện Phổ Yên	11/05/2010	11/11/2010	00162/10S20
27	S20-00028	TNg-0196	Thuyền chở cát	Trần Sông Hoà	Xã Trung Thành, Huyện Phổ Yên	11/05/2010	11/11/2010	00149/10S20
28	S20-00029	TNg-0197	Thuyền chở cát	Nguyên Văn Khang	Xã Trung Thành, Huyện Phổ Yên	11/05/2010	11/11/2010	00163/10S20
29	S20-00030	TNg-0198	Thuyền trở cát	Nguyễn Văn Hiệu	Xã Trung Thành, Huyện Phổ Yên	11/05/2010	11/11/2010	00158/10S20
30	S20-00031	TNg-0071	Thuyền vỏ tôn	Tạ Văn Tuyên	Phường Hương Sơn, Thành phố Thái Nguyên	20/05/2009	20/05/2010	00070/09S20
31	S20-00032	TNg-0121	Thuyền vỏ tôn	Bùi Văn Hùng	Xã Tân Thái, H.Đại Từ, Thành phố Thái Nguyên	06/08/2009	06/08/2010	00111/09S20
32	S20-00033	TNg-0122	Thuyền vỏ tôn	Bùi Đức Quý	Xã Tân Thái, H.Đại Từ, Huyện Đại Từ	06/08/2009	06/08/2010	00110/09S20
33	S20-00034	TNg-0123	Thuyền vỏ tôn	Bùi Văn Nghị	Xã Tân Thái, Huyện Đại Từ	06/08/2009	06/08/2010	00109/09S20
34	S20-00035	TNg-0138	Thuyền vỏ tôn	Nguyễn Văn Nhường	Xã Tân Thái, Huyện Đại Từ	06/08/2009	06/08/2010	00108/09S20
35	S20-00036	TNg-0151	Thuyền vỏ tôn	Bùi Văn Hiệp	Xã Tân Thái, Huyện Đại Từ	06/08/2009	06/08/2010	00107/09S20
36	S20-00037	TNg-0208	Thuyền vỏ tôn	Nguyên Văn Thái	Xã Tân Thái, Huyện Đại Từ	19/05/2008	19/05/2009	00037/08S20
37	S20-00038	TNg-0112	Thuyền vỏ tôn	Nguyên Văn Đức	Xã Tân Thái, Huyện Đại Từ	19/05/2008	19/05/2009	00038/08S20
38	S20-00039	TNg-0115	Thuyền vỏ tôn	Nguyên Văn Thành	Xã Tân Thái, Huyện Đại Từ	06/08/2009	06/08/2010	00106/09S20
39	S20-00040	TNg-0070	Đò ngang vỏ tôn	Hà Phương Đông	X.Đồng Liên, Huyện Phú Bình	22/05/2009	22/05/2010	00071/09S20
40	S20-00041	TNg-0258	Đò Ngang	Nguyễn Văn cải	Xã Đào xá, Huyện Phú Bình	27/05/2008	27/05/2009	00041/08S20
41	S20-00042	TNg-0257	Đò Ngang	Cao Duy Nguyên	Xã Đào Xá, Huyện Phú Bình	19/07/2010	19/07/2011	00197/10S20

Số TT	Số ĐK	Số ĐKHC	Tên phương tiện	Chủ phương tiện	Địa chỉ	Ngày kiểm tra	Ngày hết hạn	Số biên bản
42	S20-00043	TNg-0243	Đò Ngang Chở Khách	Hoàng Văn Dần	X.Tiên Phong, Huyện Phổ Yên	09/06/2011	09/12/2011	00214/11S20
43	S20-00044	TNg-0053	Đò ngang chở người	Lê Văn Chiến	X.Đông Cao, Huyện Phổ Yên	09/06/2011	09/06/2012	00215/11S20
44	S20-00045	TNg-0079	Thuyền vỏ tôn	Cty CPKSDL công đoàn Hồ Núi Cốc	Tân Thái, Huyện Đại Từ	24/12/2014	24/12/2015	01048/14V29
45	S20-00046	TNg-0080	Xuồng Máy	Công Ty CP KSDL Công Đoàn Hồ Núi Cốc TN	X.Tân Thái, Huyện Đại Từ	01/09/2010	01/09/2011	00199/09S20
46	S20-00047	TNg-0081	Xuồng Máy	Công Ty CP KSDL Công Đoàn Hồ Núi Cốc TN	X.Tân Thái, Huyện Đại Từ	26/08/2009	26/08/2010	00118/09S20
47	S20-00048	TNg-0082	Xuồng máy	Công Ty CP KSDL Công Đoàn Hồ Núi Cốc TN	X.Tân Thái, Huyện Đại Từ	18/07/2011	18/07/2012	00218/11S20
48	S20-00050	TNg-0087	Xuồng Máy	Công Ty CP KSDL Công Đoàn Hồ Núi Cốc TN	X.Tân Thái, Huyện Đại Từ	26/08/2009	26/08/2010	00121/09S20
49	S20-00051	TNg-0088	Xuồng Máy	Công Ty CP KSDL Công Đoàn Hồ Núi Cốc TN	X.Tân Thái, Huyện Đại Từ	01/09/2010	01/09/2011	00198/09S20
50	S20-00052	TNg-0145	Núi Cốc-05	Cty CP KS DL công đoàn Hồ Núi Cốc	Tân Thái, Huyện Đại Từ	24/12/2014	24/12/2015	01050/14V29
51	S20-00053	TNg-0146	Núi Cốc-08	Cty CPKSDL công đoàn Hồ Núi Cốc	Tân Thái, Huyện Đại Từ	24/12/2014	24/12/2015	01051/14V29
52	S20-00054	TNg-0147	Núi Cốc-09	Cty CP KS DL công đoàn Hồ Núi Cốc	Tân Thái, Huyện Đại Từ	24/12/2014	24/12/2015	01049/14V29
53	S20-00055	Tng-0040	Thuyền vỏ tôn	Trung tâm giáo dục xã hội 05-06 Thái Nguyên	P.Tân Thịnh, Thành phố Thái Nguyên	18/10/2010	18/10/2011	00207/10S20
54	S20-00056	TNg-0175	Xuồng máy	Công ty khai thác thuỷ lợi Thái Nguyên	P.Đồng Quang, Thành phố Thái Nguyên	29/09/2009	29/09/2010	00137/09S20
55	S20-00057	TNg-0176	Xuồng máy	Công ty khai thác thuỷ lợi Thái Nguyên	P.Đồng Quang, Thành phố Thái Nguyên	18/10/2010	18/10/2011	00206/10S20
56	S20-00058	TNg-0260	Thuyền chở cát	Nguyễn Văn Trường	X.Tân Thái, Huyện Đại Từ	12/11/2008	12/11/2009	00058/08S20
57	S20-00059	TNg-0261	Thuyền Khai thác cát	Nguyễn Văn Đức	X.Tân Thái, Huyện Đại Từ	12/11/2008	12/11/2009	00059/08S20
58	S20-00060	TNg-0262	Thuyền khai thác cát	Nguyễn Văn Đông	X.Tân Thái, Huyện Đại Từ	12/11/2008	12/11/2009	00060/08S20
59	S20-00061	TNg-0263	Thuyền khai thác cát	Phạm Văn Hải	X.Tân Thái, Huyện Đại Từ	12/11/2008	12/11/2009	00061/08S20
60	S20-00062	TNg-0264	Thuyền khai thác cát	Đặng Văn Cường	X.Tân Thái, Huyện Đại Từ	18/05/2010	18/05/2011	00164/10S20
61	S20-00063	TNg-0048	đò Ngang	Vũ Ngọc Sơn	X.Minh Lập, Huyện Đồng Hỷ	18/07/2011	18/07/2012	00220/11S20
62	S20-00064	TNg-0049	Đò Ngang	Công Ty Cổ Phần Tơ Tằm Bao Bì Thái Nguyên	X.Minh Lập, Huyện Đồng Hỷ	18/07/2011	18/07/2012	00219/11S20
63	S20-00065	TNg-0218	Đò Ngang	Lưu Văn Lắm	X.Vô Tranh, Huyện Phú Lương	18/07/2011	18/07/2012	00221/11S20

Số TT	Số ĐK	Số ĐKHC	Tên phương tiện	Chủ phương tiện	Địa chỉ	Ngày kiểm tra	Ngày hết hạn	Số biên bản
64	S20-00066	TNg-0258	Đò Ngang	Lê Đình Tâm	X.Lương Sơn, Thành phố Thái Nguyên	27/03/2009	27/03/2010	00069/09S20
65	S20-00067	TNg-0275	Tàu Hút Cát	Phạm Ngọc Huân	X.Hồng Thái, X.Tân Cương, Thành phố Thái Nguyên	24/05/2010	24/05/2011	00166/10S20
66	S20-00068	TNg-0266	Đò ngang	Trương Văn Hương	X.Cao Ngạn, TP.Thái Nguyên,TN, Thành phố Thái Nguyên	30/06/2009	30/06/2010	00073/09S20
67	S20-00070	TNg-0276	Tầu Hút Cát	Nguyễn Văn Tiến	Xã Phúc Trìu, Thành phố Thái Nguyên	24/05/2010	24/05/2011	00170/10S20
68	S20-00078	TNg-0162	Thyuền Khai Thác Cát	Lê Đức Cường	Xã Phúc Trìu, TP, Thái Nguyên, Huyện Đại Từ	18/05/2010	18/05/2011	00165/10S20
69	S20-00091	TNg-0139	Thuyền Vỏ Tôn	Trần văn Hà	Xã Tân Thái, Huyện Đại Từ	18/10/2010	18/10/2011	00208/10S20
70	S20-00099	TNg-0201	Thuyền Vỏ Tôn	Đỗ Ngọc Sơn	X.Tân Thái, H.Đại Từ,TN, Huyện Đại Từ	06/08/2009	06/08/2010	00112/09S20
71	S20-00100	TNg-0199	Thuyền khách	DN tư nhân Nghị Hiền	Tân Thái, Huyện Đại Từ	24/12/2014	24/12/2015	01055/14V29
72	S20-00101	TNg-0103	Thuyền Khách	Nguyễn Văn Sáu	Xã Ký Phú, Huyện Đại Từ	22/09/2009	22/09/2010	00129/09S20
73	S20-00102	TNg-0106	Thyền Khách	Trần Văn Hội	Xã Ký Phú, Huyện Đại Từ	22/09/2009	22/09/2010	00130/09S20
74	S20-00103	TNg-0105	Thuyền Khách	Lê Văn Thà	Xã Ký Phú, Huyện Đại Từ	22/09/2009	22/09/2010	00131/09S20
75	S20-00104	TNg-0108	Thuyền Khách	Trần văn Hoà	Xã Ký Phú, H. Đại từ, Tỉnh TN, Huyện Đại Từ	22/09/2009	22/09/2010	00132/09S20
76	S20-00105	TNg-0110	Thuyền Khách	Lê văn Khiêm	Xã Ký Phú, Huyện Đại Từ	22/09/2009	22/09/2010	00133/09S20
77	S20-00106	TNg-0221	Đò Ngang	Trần văn Đăng	Xã Phú Đô, Huyện Phú Lương	23/09/2009	23/09/2010	00134/09S20
78	S20-00107	TNg-0222	Đò Ngang	Nguyễn xuân Nghĩa	Bến Phú Nam 7, Phú Đô, Huyện Phú Lương	23/09/2009	23/09/2010	00135/09S20
79	S20-00108	TNg-0223	Đò Ngang	Nguyễn văn Cường	Bến Đò Phú Nam 6, Phú Đô, Huyện Phú Lương	23/09/2009	23/09/2010	00136/09S20
80	S20-00110	TNg-0109	Thuyền Khách	Ngô Văn Đường	Xã Ký Phú, Huyện Đại Từ	22/09/2009	22/09/2010	00141/09S20
81	S20-00112	TNg-0231	Tầu Công Trình	Hầu Thị Hơn	Phú Đô, Huyện Phú Lương	01/07/2010	01/07/2011	00177/10S20
82	S20-00113	TNg-0232	Thuyền Vỏ Tôn	Hầu Thị Hơn	Phú Đô, Huyện Phú Lương	01/07/2010	01/07/2011	00178/10S20
83	S20-00114	TNg-0225	Tầu Công Trình	Ngô Khắc Hiển	Quang Trung, Thành phố Thái Nguyên	01/07/2010	01/07/2011	00179/10S20
84	S20-00115	TNg-0226	Thuyền Vỏ Tôn	Ngô khắc Hiển	Quang Trung, Thành phố Thái Nguyên	01/07/2010	01/07/2011	00180/10S20
85	S20-00116	TNg-0224	Tầu Công Trình	Doanh Nghiệp Tư Nhân Tâm Thuý	Phú Đô, Huyện Phú Lương	03/07/2010	03/07/2011	00181/10S20

Số TT	Số ĐK	Số ĐKHC	Tên phương tiện	Chủ phương tiện	Địa chỉ	Ngày kiểm tra	Ngày hết hạn	Số biên bản
86	S20-00117	TNg-0215	Tầu Công Trình	Doanh Nghiệp tư nhân Tâm Thuý	Phú Đô, Huyện Phú Lương	03/07/2010	03/07/2011	00182/10S20
87	S20-00118	TNg-0237	Thuyền vỏ Tôn	Doanh Nghiệp tư nhân Tâm Thuý	Phú Đô, Huyện Phú Lương	03/07/2010	03/07/2011	00183/10S20
88	S20-00119	TNg-0238	Thuyền vỏ Tôn	Doanh Nghiệp tư nhân Tâm Thuý	Phú Đô, Huyện Phú Lương	03/07/2010	03/07/2011	00184/10S20
89	S20-00120	TNg-0299	Xuồng công tác HA450B	Thanh tra sở giao thông vận tải thái nguyên	quang trung, Thành phố Thái Nguyên	16/02/2011	16/02/2012	00212/11S20
90	S20-00121	TNg-0300	Đò ngang sông	Phó văn Lâm	Minh Đức, Huyện Phổ Yên	27/05/2011	27/05/2012	00213/11S20
91	S20-00122	TNg-0386	Xuồng công tác	Hạt kiểm lâm rừng phòng hộ Hồ núi Cốc	, Thành phố Thái Nguyên	16/08/2011	16/08/2012	00222/11S20
92	S20-00149	TNg-0209	Tầu Công Trình	Nguyễn văn Chuyền	Vô Tranh, Huyện Phú Lương	16/07/2010	16/07/2011	00187/10S20
93	S20-00150	TNg-0210	Thuyền vỏ tôn	Nguyễn Văn Chuyền	Vô Tranh, Huyện Phú Lương	16/07/2010	16/07/2011	00188/10S20
94	S20-00151	TNg-0211	Tầu Công Trình	Phạm Văn Kết	Vô Tranh, Huyện Phú Lương	16/07/2010	16/07/2011	00189/10S20
95	S20-00152	TNg-0212	Thuyền Vỏ Tôn	Phạm Văn Kết	Vô Tranh, Huyện Phú Lương	16/07/2010	16/07/2011	00190/10S20
96	S20-00153	TNg-0213	Tầu Công Trình	Nguyễn Văn Tuất	Vô Tranh, Huyện Phú Lương	16/07/2010	16/07/2011	00191/10S20
97	S20-00154	TNg-0214	Thuyền Vỏ Tôn	Nguyễn Văn Tuất	Vô Tranh, Huyện Phú Lương	16/07/2010	16/07/2011	00192/10S20
98	S20-00155	TNg-0216	Tầu Công Trình	Nguyễn Văn Vân	Vô Tranh, Huyện Phú Lương	16/07/2010	16/07/2011	00193/10S20
99	S20-00156	TNg-0220	Thuyền Vỏ Tôn	Nguyễn Văn Vân	Vô Tranh, Huyện Phú Lương	16/07/2010	16/07/2011	00194/10S20
100	S20-00157	TNg-0217	Thuyền Vỏ Tôn	Trần Văn Kiên	Vô Tranh, Huyện Phú Lương	16/07/2010	16/07/2011	00195/10S20
101	S20-00158	TNg-0219	Thuyền Vỏ Tôn	Trần Văn Kiên	Vô Tranh, Huyện Phú Lương	16/07/2010	16/07/2011	00196/10S20
102	S20-01113	TNg-	DTQG 66-03	Dự Trữ Quốc Gia Khu Vực Bắc Thái	P.Phan Đình Phùng, Thành phố Thái Nguyên	16/10/2008	16/10/2009	01113/08S20
103	S20-01114	TNg-	DTQG 67-03	Dự Trữ Quốc Gia Khu Vực Bắc Thái	P.Phan Đình Phùng, Thành phố Thái Nguyên	16/10/2008	16/10/2009	01114/08S20
104	S20-01115	TNg-	DTQG 68-03	Dự Trữ Quốc Gia Khu Vực Bắc Thái	P.Phan Đình Phùng, Thành phố Thái Nguyên	16/10/2008	16/10/2009	01115/08S20
105	S20-01116	TNg-	DTQG 69-03	Dự Trữ Quốc Gia Khu Vực Bắc Thái	P.Phan Đình Phùng, Thành phố Thái Nguyên	16/10/2008	16/10/2009	01116/08S20
106	S20-01117	TNg-	DTQG 70-03	Dự Trữ Quốc Gia Khu Vực Bắc Thái	P.Phan Đình Phùng, Thành phố Thái Nguyên	16/10/2008	16/10/2009	01117/08S20

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

CÁC PHƯƠNG TIỆN CHỞ KHÁCH VÀ KHÁCH DU LỊCH QUÁ HẠN KIỂM TRA HÀNG NĂM

(Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015)

Tỉnh thành: **Thái Nguyên (S)**

Số TT	*Số ĐK*	*Số ĐKHC*	*Tên phương tiện*	*Chủ phương tiện*	*Địa chỉ*	*Ngày kiểm tra*	*Ngày hết hạn*	*Số biên bản*
1	S20-00202	TNg-0369	Xuồng CT vỏ HK nhôm	Thanh tra Sở GTVT Thái Nguyên	350 Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên	25/03/2015	14/12/2015	00196/15V29
2	S20-00217		Huyền Thoại	Nguyễn Văn Độ	Xóm Khuôn Năm,Xã Phúc Xuân, Thành phố Thái Nguyên	23/06/2011	23/06/2012	00263/11V37